TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/DS-ST
Ngày 29/11/2021
V/v: Tranh chấp về chia tài sản chung và di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ
2. Bà Nguyễn Thị Hoan

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Thùy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chuyên- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 80/2020/TLST-DSTC ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc: "Tranh chấp về chia tài sản chung và di sản thừa kế", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa và các quyết định tạm ngừng phiên tòa giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Ông Vũ Viết T sinh năm 1937

Địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, Huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá N- Luật sư công ty luật số 1 Bắc Giang. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Vũ Viết Đ sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, Huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền cho ông Vũ Viết Đ:*

Anh Vũ Viết P sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Hạnh, Phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

Giấy ủy quyền ghi ngày 29/10/2020.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

Bà Nguyễn Thị N sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1971 (vắng mặt)

2/ Chị Vũ Thị H sinh năm 1978 (có mặt)

Đều trú quán: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

3/ Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1973 (vắng mặt)

4/ Anh Vũ Viết P sinh năm 1983 (vắng mặt)

Đều ở thôn Hạnh, Phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

5/ Chị Vũ Thị H sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn Chàng 2, thị trấn Đồi Ngô, Lục Nam, Bắc Giang (vắng mặt).

6/ Chị Vũ Thị N sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Lương, Mỹ An, Lục Ngạn, Bắc Giang (có mặt).

7/ Anh Vũ Viết H sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Đình Gàng, Vô Tranh, Lục Nam (vắng mặt).

8/ UBND huyện Lục Nam do bà Trần Thị O- Cán bộ hội phụ nữ huyện Lục Nam đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

9/ UBND xã Vô Tranh do ông Bùi Quang C- Chủ tịch đại diện (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 16/9/2020 và trong các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, tại phiên tòa ông Vũ Viết T là nguyên đơn trình bày:

Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị X năm 1964. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông sinh được 05 người con gồm: Vũ Viết Đ sinh năm 1965, Nguyễn Thị H sinh năm 1971, Nguyễn Thị H sinh năm 1973, Vũ Thị H sinh năm 1976, Vũ Thị H sinh năm 1978. Các con ông đều đã trưởng thành và đã có gia đình riêng. Vợ chồng ông không có con nuôi nào khác ngoài 05 người con đẻ trên. Năm 2005 vợ ông là bà Nguyễn Thị X đã qua đời, ông cùng các con đứng ra lo hậu sự theo phong tục tại địa P, trước khi chết vợ ông không để lại di C, hay văn bản gì. Trong thời gian chung sống ông và bà Nguyễn Thị X tạo dựng được khối tài sản chung của vợ chồng gồm có:

Tài sản thứ nhất gồm: Thửa đất có diện tích 2610m^2 (kết quả thực đo lại 2594,4m^2 ngày 14/9/2021) trong đó có 400m^2 đất ở, 2194,4m^2 đất vườn trị giá 1.332.508.000đ tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0 đã được UBND huyện Lục

Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, trên đất có tài sản: 12 cây vải to, nhỏ trị giá 29.501.000đ, 01 nhà bếp loại C diện tích 18,33m^2 trị giá 1.466.000đ (do vợ chồng ông phát triển được), khu chăn nuôi loại C diện tích 70,08m2 trị giá 4.765.440đ, 181 cây cam trị giá 82.536.000đ (do chị N xây dựng, trồng trên đất). Tổng trị giá tài sản đất ở đất vườn là 1.332.508.000đ +118.268.440đ (trị giá tài sản trên đất) theo biên bản thẩm định định giá ngày 14/4/2021.

Tài sản thứ hai gồm: Thửa đất rừng có diện tích là 8684m^2 đến năm 2018 UBND huyện Lục Nam đã thu hồi 778,1m^2 để làm đường 293 do vậy còn lại 7905,9m^2 (kết quả thực đo lại ngày 14/9/2021 diện tích 6240,9m^2 trị giá 43.686.300đ) tại tờ bản đồ bến bò, số thửa 0 thuộc thôn Quảng Hải, Bến Bò hiện là thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ- UBND ngày 23/12/2003 cho hộ ông (bà) Vũ Viết T. Trên đất có các tài sản gồm: 01 nhà cấp 4 loại 2 diện tích 36,4m^2 trị giá 8.845.200đ, 01 cây mít trị giá 710.000đ, do vợ chồng ông phát triển được, 28 cây bưởi trị giá 17.444.000đ, toàn bộ số cây H mài trồng trên diện tích 469m^2 trị giá 4.127.200đ và 1924,2m3 đất trị giá 48.105.000đ (do vợ chồng bà trồng và đổ san lấp đất),10 cây sưa trị giá 1.860.000đ (do chị H trồng).

Nguồn gốc 2 thửa đất trên là do vợ chồng ông sau khi kết hôn phát triển được từ trước năm 1980 khi các con, cháu ông có chung hộ khẩu thì vợ chồng ông đã lấn chiếm, khai hoang vỡ hóa được. Khi đó các con cháu ông vẫn còn nhỏ, vợ chồng ông phải nuôi ăn học nên không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của vợ chồng ông.

Tại phiên tòa ông Vũ Viết T đề nghị Tòa án chia đôi tài sản của ông và bà Nguyễn Thị X gồm 2 thửa đất. Thửa đất thứ nhất là 2594,4m^2 đất ở và đất vườn, thửa đất thứ hai có diện tích 6240,9m^2 (Theo kết quả đo thực tế ngày 14/9/2021). Các tài sản này hiện ông đang quản lý, sử dụng và ông yêu cầu được chia hưởng bằng đất. Phần tài sản là di sản của bà X để lại, ông đề nghị Tòa án chia thừa kế cho những người được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật. Ông không chấp nhận 2 thửa đất trên theo yêu cầu của anh Đ, chị N, chị H, chị H, chị H, cháu N, cháu P, cháu H.

Về các tài sản trên đất của vợ chồng ông phát triển được, nay ông không đề nghị Tòa án giải quyết. Nếu phần đất được chia cho ai được hưởng có tài sản của vợ chồng ông trên đất thì người đó được hưởng, ông không ý kiến gì. Còn các tài sản của vợ chồng anh Đ, chị N, chị H phát triển trên 2 thửa đất trên của vợ chồng ông, nay Tòa án giao cho ông được sử dụng, buộc ông trả bằng tiền theo hội đồng định giá của huyện, ông hoàn toàn nhất trí.

Tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Bị đơn anh Vũ Viết Đ do anh Vũ Viết P đại diện theo ủy quyền trình bày trong các bản tự khai, biên bản ghi lời khai:

Bố anh là ông Vũ Viết Đ là con của cụ Vũ Viết T và cụ Nguyễn Thị X. Đến năm 2005 cụ Nguyễn Thị X mất, không để lại di C gì, mọi lo toan là do cụ Vũ Viêt T cùng các con cháu trong gia đình lo tang lễ theo phong tục địa P. Nay cụ T yêu cầu Tòa án phân chia các tài sản chung giữa cụ T và cụ X và chia di sản thừa kế của cụ X theo quy định của pháp luật gồm các tài sản sau:

Tài sản thứ nhất gồm: Thửa đất có diện tích 2610m^2 trong đó gồm đất ở, đất vườn (theo kết quả thực đo ngày 14/9/2021 diện tích là 2594,4m2) tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0 đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, trên đất có tài sản: 12 cây vải to, nhỏ trị giá 29.501.000đ, 01 nhà bếp loại C diện tích 18,33m^2 trị giá 1.466.000đ (do vợ chồng ông phát triển được), khu chăn nuôi loại C diện tích 70,08m2 trị giá 4.765.440đ, 181 cây cam trị giá 82.536.000đ (do chị N xây dựng, trồng trên đất). Tổng trị giá tài sản đất ở đất vườn là 1.332.508.000đ +118.268.440đ (trị giá tài sản trên đất) theo biên bản thẩm định định giá ngày 14/4/2021.

Tài sản thứ hai gồm: Thửa đất rừng có diện tích là 8684m^2 đến năm 2018 UBND huyện Lục Nam đã thu hồi 778,1m^2 để làm đường 293 do vậy còn lại 7905,9m^2 (kết quả thực đo lại ngày 14/9/2021 diện tích là 6240,9m^2) tại tờ bản đồ bến bò, số thửa 0 thuộc thôn Quảng Hải, Bến Bò hiện là thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ- UBND ngày 23/12/2003 cho hộ ông (bà) Vũ Viết T. Trên đất có các tài sản gồm: 01 nhà cấp 4 loại 2 diện tích 36,4m^2 trị giá 8.845.200đ, 01 cây mít trị giá 710.000đ, do vợ chồng ông phát triển được, 28 cây bưởi trị giá 17.444.000đ, toàn bộ số cây H mài trồng trên diện tích 469m^2 trị giá 4.127.200đ và 1924,2m3 đất trị giá 48.105.000đ (do bà N trồng và đổ san lấp đất),10 cây sưa trị giá 1.860.000đ (do chị H trồng).

Hiện các tài sản này do cụ T đang quản lý, sử dụng. Nguồn gốc 2 thửa đất trên là do cụ T, cụ X cùng vợ chồng ông Đ, bà N, bà H, bà H, Chị N, anh H là con đẻ ông Đ, bà N và anh đều có công sức đóng góp phát triển được. Nay anh không nhất trí theo yêu cầu của cụ T chia 2 thửa đất trên cho cụ T được hưởng ½, còn ½ là của cụ X là di sản thừa kế chia theo quy định của pháp luật mà anh yêu cầu chia 2 thửa đất trên cho cụ T, cụ X, ông Đ, bà N, bà H, bà H, Chị N, anh H và anh mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau. Còn phần của cụ X là di sản thừa kế chia theo quy định của pháp luật. Các tài sản tranh chấp

trên đất gồm nhà ở, khu chăn nuôi, bếp, cam, bưởi, cây sưa, cây H mài và toàn bộ khối lượng đất đổ anh không yêu cầu giải quyết về số cây vải, nhà ở, nhà bếp là do cụ T, cụ X phát triển được. Còn các tài sản gồm cây cam, bưởi, H mài và đất đổ trên đất rừng của ông Đ, bà N, nay bố, mẹ anh sẽ tự di chuyển.

Tại phiên tòa hôm nay anh P vắng mặt.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** Chị Nguyễn Thị N trình bày trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa*:

Chị là vợ ông Đ là con dâu của cụ Vũ Viết T và cụ Nguyễn Thị X. Đến năm 2005 cụ Nguyễn Thị X mất, không để lại di C gì, mọi lo toan là do cụ Vũ Viêt T cùng các con cháu trong gia đình lo tang lễ theo phong tục địa P. Nay cụ T là bố chồng chị có yêu cầu Tòa án phân chia các tài sản chung giữa cụ T và cụ X và chia di sản thừa kế của cụ X theo quy định của pháp luật gồm các tài sản sau:

Tài sản thứ nhất gồm: Thửa đất có diện tích 2610m^2 trong đó gồm đất ở, đất vườn (theo kết quả thực đo ngày 14/9/2021 diện tích là 2594,4m^2) tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0 đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, trên đất có tài sản: 12 cây vải to, nhỏ trị giá 29.501.000đ, 01 nhà bếp loại C diện tích 18,33m^2 trị giá 1.466.000đ (do vợ chồng cụ phát triển được), khu chăn nuôi loại C diện tích 70,08m^2 trị giá 4.765.440đ, 181 cây cam trị giá 82.536.000đ (do chị xây dựng, trồng trên đất). Tổng trị giá tài sản đất ở đất vườn là 1.332.508.000đ +118.268.440đ (trị giá tài sản trên đất) theo biên bản thẩm định định giá ngày 14/4/2021.

Tài sản thứ hai gồm: Thửa đất rừng có diện tích là 8684m^2 đến năm 2018 UBND huyện Lục Nam đã thu hồi 778,1m^2 để làm đường 293 do vậy còn lại 7905,9m^2 (kết quả thực đo lại ngày 14/9/2021 diện tích là 6240,9m^2) tại tờ bản đồ bến bò, số thửa 0 thuộc thôn Quảng Hải, Bến Bò hiện là thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ- UBND ngày 23/12/2003 cho hộ ông (bà) Vũ Viết T. Trên đất có các tài sản gồm: 01 nhà cấp 4 loại 2 diện tích 36,4m^2 trị giá 8.845.200đ, 01 cây mít trị giá 710.000đ, do vợ chồng cụ phát triển được, 28 cây bưởi trị giá 17.444.000đ, toàn bộ số cây H mài trồng trên diện tích 469m^2 trị giá 4.127.200đ và 1924,2m3 đất trị giá 48.105.000đ (do chị trồng và đổ san lấp đất),10 cây sưa trị giá 1.860.000đ (do chị H trồng).

Hiện 2 thửa đất và 01 nhà ở, vải cụ T đang quản lý, sử dụng. Nguồn gốc 2 thửa đất trên là do cụ T, cụ X cùng vợ chồng chị và các con cháu của cụ T gồm: Chị H, chị H (cháu N, cháu P, cháu Hlà con của chị và anh Đ) cùng có công sức đóng góp phát triển được. Nay chị không nhất trí theo yêu cầu của cụ T chia 2 thửa đất trên cho cụ T được hưởng ½, còn ½ là của cụ X là di sản thừa kế chia theo quy định của pháp luật

mà chị yêu cầu chia tài sản là 2 thửa đất trên cho cụ T, cụ X, vợ chồng chị cùng chị H, chị H, cháu N, cháu P, cháu H, mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau. Còn phần của cụ X là di sản thừa kế chia theo quy định của pháp luật. Các tài sản trên đất tranh chấp gồm của cụ T, cụ X phát triển được chị không yêu cầu giải quyết. Còn các loại cây ăn quả là cam, bưởi, cây H mài và 01 nhà chăn nuôi loại C cùng toàn bộ khối lượng đất đổ trên đất rừng là 1924,2m^3 chị sẽ tự di chuyển để trả lại đất. Về phần vợ chồng chị và các con của chị được chia phần tài sản chung được hưởng bao nhiêu và phải chịu tiền án phí theo bản án của Tòa án tuyên thì chị sẽ nộp, còn chị không nộp trước.

Tại phiên tòa hôm nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Nguyễn Thị H trình bày trong các bản tự khai, biên bản lấy lời khai: Mẹ chị là bà Nguyễn Thị X mất năm 2005. Sau khi mẹ chị mất, không để lại di C gì, mọi lo toan cho mẹ chị là do bố chị là ông T cùng với các con, cháu. Sau khi mẹ chị mất không nợ ai và không ai nợ mẹ chị. Việc bố chị là ông Vũ Viết T đề nghị Tòa án công nhận ½ diện tích đất 2610m^2 trong đó có 400m^2 đất ở, 2210m^2 đất vườn (kết quả thực đo lại ngày 14/9/2021 diện tích 2594,4m^2) được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Gàn, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và công nhận ½ thửa đất rừng tái sinh có diện tích 8684m^2 năm 2018 UBND huyện đã thu hồi 778,1m^2 để làm đường, còn lại 7905,9m^2, kết quả thực đo lại ngày 14/9/2021 diện tích là 6240,9m^2 tại Bến Bò nay là thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 052143/QĐ-UBND vào sổ cấp giấy quyền sử dụng đất số 00158 ngày 23/12/2003 mang tên hộ ông Vũ Viết T là của cụ Vũ Viết T. Còn lại ½ thửa đất ở và đất vườn và thửa đất rừng là của bà X là di sản thừa kế chia theo quy định của pháp luật, chị không nhất trí. Bởi vì theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Luật dân sự, Luật đất đai thì ông T không có quyền được hưởng ½ thửa đất như trên. Lúc sinh thời mẹ đẻ chị là bà Nguyễn Thị X có nói lại bố, mẹ chị cùng nhau lập gia đình và sinh sống ở thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn thì đến năm 1966 thì bà X chuyển về thôn Gàng, xã Vô Tranh. Ông T đi bộ đội khoảng năm 1959 đến khoảng năm 1977 thì về nghỉ chế độ bệnh binh. Đến năm 1990 chị đi xây dựng gia đình. Khoảng năm 1966 bố, mẹ chị chuyển đến sinh sống lập nghiệp tại xã Vô Tranh đã khai hoang đất trống, đồi hoang. Đến năm 1986 khi nông trường Mai Sơn giải thể anh, em chị đi chăn trâu đã chiếm được 1 số diện tích đất và đã lấy cọc đóng làm hàng rào để chiếm diện tích như gia đình sử dụng hiện nay. Do vậy 2 thửa đất trên thuộc quyền quản lý, sử

dụng chung của hộ gia đình ông T gồm ông T, cụ X và các thành viên trong hộ gia đình ông T có tên trong sổ hộ khẩu tại thời điểm được cấp GCNQSDĐ gồm: ông T, bà X, anh Đ, chị N, chị H, chị H, cháu N, cháu P, cháu H. Nay chị đề nghị Tòa án huyện Lục Nam chia thửa đất ở, đất vườn và đất rừng làm 6 phần bằng nhau, cho mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau. Phần của bà X là di sản thừa kế sẽ chia theo quy định của pháp luật, các tài sản gồm cây cối ở trên đất, chị không có ý kiến gì, ai sử dụng phần tài sản nào trên đất có cây cối thì sẽ được hưởng cây cối đó. Theo bản án của Tòa án tuyên, chia cho chị được hưởng phần tài sản và phải chịu án phí bao nhiêu thì chị sẽ nộp tiền theo bản án.

Tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt.

2/ Chị Nguyễn Thị H trình bày trong các bản tự khai và tại phiên tòa:

Việc ông Vũ Viết T đề nghị công nhận ½ diện tích đất 2610m^2 trong đó có 400m^2 đất ở, 2210m^2 đất vườn (kết quả thực đo lại ngày 14/9/2021 diện tích 2594,4m^2) được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Gàn, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và công nhận ½ thửa đất rừng tái sinh có diện tích 8684m^2 năm 2018 UBND huyện đã thu hồi 778,1m^2 để làm đường 293, diện tích còn lại 7905,9m^2 (kết quả thực đo lại ngày 14/9/2021 diện tích 6240,9m^2) tại Bến Bò nay là thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 052143/QĐ-UBND vào sổ cấp giấy quyền sử dụng đất số 00158 ngày 23/12/2003 mang tên hộ ông Vũ Viết T là của ông Vũ Viết T. Còn lại ½ thửa đất ở và đất vườn và thửa đất rừng là của bà X là di sản thừa kế chia theo quy định của pháp luật, chị không nhất trí. Bởi vì theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Luật dân sự, Luật đất đai thì ông T không có quyền được hưởng ½ thửa đất như trên. Lúc sinh thời mẹ đẻ chị là bà Nguyễn Thị X có nói bố, mẹ chị cùng nhau lập gia đình và sinh sống ở thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn thì đến năm 1966 thì ông, bà chuyển về thôn Gàng, xã Vô Tranh. Ông T đi bộ đội khoảng năm 1959 đến khoảng năm 1977 thì về nghỉ chế độ bệnh binh. Khoảng năm 1966 bố, mẹ chị chuyển sinh sống lập nghiệp tại xã Vô Tranh đã khai hoang đất trống, đồi hoang, ruộng lày để sống. đên năm 1986 khi nông trường Mai sơn giải thể anh, em chị đã khai hoang thêm phần diện tích đất của Lâm Trường Mai Sơn giải thể. Việc khai hoang đất của lâm trường chủ yếu là anh, chị em chị. Khi đó mẹ chị bị bệnh còn bố chị sức khỏe yếu. Đến năm 2001 do chính sách đất đai nhà nước để cấp GCNQSDĐ cho các hộ trong xã thì trong gia đình chị thống nhất là 2 thửa đất trên ghi đứng tên là hộ ông Vũ Viết T, có 01 phần cho con gái ông T là Vũ Thị H đứng tên. Do vậy chị cho rằng 2 thửa đất trên thuộc tài sản chung của hộ gia đình ông Vũ Viết T gồm có ông T, bà X, anh Đ, chị N, chị H, chị H, cháu N, cháu H, cháu P là có tên trong sổ hộ khẩu tại thời điểm được cấp GCNQSDĐ. Chị đề nghị Tòa án nhân

dân huyện Lục Nam chia tài sản gồm 2 thửa đất trên cho 9 thành viên trên, mỗi thành viên được hưởng 01 phần bằng nhau, phần tài sản của bà X là di sản thừa kế, đề nghị chia theo quy định của pháp luật. Nay chị đề nghị Tòa án huyện Lục Nam chia thửa đất ở, đất vườn và đất rừng làm 6 phần bằng nhau, cho mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau. Phần của bà X là di sản thừa kế sẽ chia theo quy định của pháp luật, các tài sản gồm cây cối ở trên đất, chị không có ý kiến gì, ai sử dụng phần tài sản nào trên đất có cây cối thì sẽ được hưởng cây cối đó. Theo bản án của Tòa án tuyên, chia cho chị được hưởng phần tài sản và phải chịu án phí bao nhiêu thì chị sẽ nộp tiền theo bản án.

Tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt.

*3/ Chị Vũ Thị H trình bày trong các bản tự khai và biên bản ghi lời khai:*Toàn bộ diện tích đất ở, đất vườn là 2610m2 (kết quả thực đo lại ngày 14/9/2021 diện tích 2594,4m^2) và đất rừng tái sinh là 8684m2, đến năm 2018 UBND huyện Lục Nam đã thu hồi 778,1m2 để làm đường 293 do vậy còn lại là 7905,9m2 (kết quả thực đo lại ngày 14/9/2021 diện tích là 6240,9m^2) đều đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ năm 2001 và năm 2003 cho hộ ông T. Nay ông T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và di sản thừa kế của bà X là mẹ đẻ của chị. Cụ thể xác định ½ diện tích đất ở, đất vườn, đất rừng là của ông T còn ½ đất ở, đất vườn, đất rừng là di sản thừa kế của mẹ chị là bà X chia theo quy định của pháp luật, chị H toàn không nhất trí vì ông T đi bộ đội khoảng năm 1959 đến khoảng năm 1977 thì về nghỉ chế độ bệnh binh. Khoảng năm 1966 bố, mẹ chị chuyển sinh sống lập nghiệp tại xã Vô Tranh đã khai hoang đất trống, đồi hoang, ruộng lày để sống. đên năm 1986 khi nông trường Mai sơn giải thể anh, em chị đã khai hoang thêm phần diện tích đất của Lâm Trường Mai Sơn giải thể. Việc khai hoang đất của lâm trường chủ yếu là anh, chị em chị. Khi đó mẹ chị bị bệnh còn bố chị sức khỏe yếu. đến năm 2001 do chính sách đất đai nhà nước có chủ trường cấp GCNQSDĐ cho các hộ trong xã thì trong gia đình chị thống nhất là 2 thửa đất trên ghi đứng tên là hộ ông Vũ Viết T. Do vậy chị cho rằng 2 thửa đất trên thuộc tài sản chung của hộ gia đình ông Vũ Viết T gồm có ông T, bà X, anh Đ, chị N, chị H, chị H, cháu N, cháu H, cháu P là có tên trong sổ hộ khẩu tại thời điểm được cấp GCNQSDĐ. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam chia tài sản gồm 2 thửa đất trên cho 9 thành viên trên, mỗi thành viên được hưởng 01 phần bằng nhau, phần tài sản của bà X là di sản thừa kế đề nghị chia theo quy định của pháp luật, các tài sản trên đất chị không có yêu cầu gì. Còn phần thừa kế của chị được Tòa án chia được hưởng bao nhiêu và phải chịu án phí bao nhiêu thì chị sẽ nộp theo bản án của Tòa án tuyên.

Tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt.

4/ Chị Vũ Thị H trình bày trong các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa:

Chị là con cụ T, cụ X. Việc bố chị đã trình bày toàn bộ yêu cầu nguyện vọng về việc chia di sản chung và chia di sản thừa kế tài sản gồm 2 thửa đất

Tài sản thứ nhất gồm: Thửa đất có diện tích 2610m^2 (kết quả thực đo lại 2594,4m^2 ngày 14/9/2021) trong đó có 400m^2 đất ở, 2194,4m^2 đất vườn trị giá 1.332.508.000đ tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0 đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang,

Tài sản thứ hai gồm: Thửa đất rừng có diện tích là 6240,9m^2 (kết quả thực đo lại ngày 14/9/2021) trị giá 43.686.300đ tại tờ bản đồ Bến Bò, số thửa 0 thuộc thôn Quảng Hải, Bến Bò hiện là thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ- UBND ngày 23/12/2003 cho hộ ông (bà) Vũ Viết T. Trên diện tích đất này chị có trồng 10 cây sưa.

Chị H toàn nhất trí với yêu cầu của bố chị phân chia 2 thửa đất trên cho ông T ½, còn ½ là của bà X là di sản thừa kế chia theo quy định của pháp luật. Trong khối tài sản này chị không có công sức đóng góp gì nên chị không yêu cầu phần chia về công sức. Nếu kỷ phần là di sản chị được hưởng thừa kế bằng đất thì chị đề nghị giao cho ông T được sử dụng, buộc ông T trả chị bằng tiền. Trên phần đất rừng chị có trồng được 10 cây sưa trị giá 1.860.000đ, nay chị sẽ tự di chuyển trả lại đất cho ông T. Còn các tài sản khác trên 2 thửa đất phần chia chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

5/ Anh Vũ Viết P trình bày trong các bản tự khai:

Anh là con ông Đ, bà N. Nay cụ T đề nghị công nhận ½ diện tích đất 2610m^2 trong đó có 400m^2 đất ở, 2210m^2 đất vườn (kết quả thực đo lại ngày 14/9/2021 diện tích 2594,4m^2) được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Gàn, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và công nhận ½ thửa đất rừng tái sinh có diện tích 8684m^2 năm 2018 UBND huyện đã thu hồi 778,1m^2 để làm đường 293, diện tích còn lại 7905,9m^2 (kết quả thực đo lại ngày 14/9/2021 diện tích 6240,9m^2) tại Bến Bò nay là thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 052143/QĐ-UBND vào sổ cấp giấy quyền sử dụng đất số 00158 ngày 23/12/2003 mang tên hộ ông Vũ Viết T là của ông Vũ Viết T. Còn lại ½ thửa đất ở và đất vườn và thửa đất rừng là của bà X là di sản thừa kế chia theo quy định của pháp luật, chị không nhất trí.

Nay anh không nhất trí theo yêu cầu phân chia của cụ T và đề nghị Tòa án chia đều khối tài sản gồm 2 thửa đất trên cho cụ T, cụ X, ông Đ, bà N, bà H, bà H, Chị N, anh H và anh. Phần tài sản của cụ X được chia là di sản thừa kế, chia theo quy định của pháp luật. Anh không nhất trí theo yêu cầu của cụ T, phần công sức của anh Tòa án chia cho anh được hưởng bao nhiêu và phải chịu án phí bao nhiêu thì anh sẽ nộp tiền án phí theo bản án tuyên.

Tại phiên tòa hôm nay anh P vắng mặt.

6/ Chị Vũ Thị N trình bày trong các bản tự khai và tại phiên tòa:

Chị là con đẻ của ông Đ, bà N. Cụ Vũ Viết T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và di sản thừa kế gồm thửa đất ở đất vườn đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ năm 2001, đất rừng tái sinh năm 2003 là chia ½ đất ở, đất vườn, đất rừng cho cụ T. Còn ½ đất ở, đất vườn, đất rừng cũng là di sản thừa kế của cụ X chia theo quy định của pháp luật. Chị không nhất trí theo yêu cầu của cụ T vì toàn bộ đất ở, đất vườn, đất rừng cấp cho chủ hộ là cụ Vũ Viết T là công sức đóng góp của toàn bộ gia đình, của bố, mẹ chị và trong đó chị cũng có công sức đóng góp. Nay chị yêu cầu Tòa án chia đều 2 thửa đất trên cho cụ T, cụ X, ông Đ, bà N, bà H, bà H, chị và anh P, anh H mỗi người được hưởng 1 phần bằng nhau. Còn phần của cụ X sẽ là di sản thừa kế thì chia theo quy định của pháp luật. Các tài sản trên đất của cụ T, cụ X phát triển được chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn các tài sản của bố, mẹ chị phát triển được trên 2 thửa đất gồm cây cam, 01 nhà sấy vải, cây bưởi, H mài và toàn bộ khối lượng đất đã đổ trên diện tích đất rừng là do bố, mẹ chị quyết định, chị không có ý kiến gì. Việc Tòa án chia cho chị được hưởng tài sản bao nhiêu và phải nộp tiền án phí bao nhiêu thì chị sẽ nộp án phí, còn chị không nộp trước.

Tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

7/ Anh Vũ Viết H trình bày tại phiên tòa xét xử vụ án ngày …/9/2021: Anh là con của ông Đ, bà N. Anh không nhất trí theo yêu cầu của cụ T về chia tài sản chung và di sản thừa kế gồm tài sản sau:

Thửa đất có diện tích 2610m^2 trong đó gồm đất ở, đất vườn (theo kết quả thực đo ngày 14/9/2021 diện tích là 2594,4m2) tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0 đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Tài sản thứ hai gồm: Thửa đất rừng có diện tích là 8684m^2 đến năm 2018 UBND huyện Lục Nam đã thu hồi 778,1m^2 để làm đường 293 do vậy còn lại 7905,9m^2 (kết quả thực đo lại ngày 14/9/2021 diện tích là 6240,9m^2) tại tờ bản đồ bến bò, số thửa 0 thuộc thôn Quảng Hải, Bến Bò hiện là thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện

Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ- UBND ngày 23/12/2003 cho hộ ông (bà) Vũ Viết T.

Anh yêu cầu chia đều cho cụ T, cụ X, ông Đ, bà N, bà H, bà H, Chị N, anh P và anh, mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau. Phần của cụ X là di sản thừa kế sẽ được chia theo quy định pháp luật. Theo bản án của Tòa án chia cho anh được hưởng tài sản bao nhiêu và phải chịu án phí bao nhiêu thì anh sẽ nộp, anh sẽ không nộp tiền án phí trước khi bản án chưa tuyên. Còn các tài sản trên 2 thửa đất anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa anh H vắng mặt không có lý do.

8/ UBND huyện Lục Nam do bà Trần Thị O- Cán bộ hội phụ nữ huyện Lục Nam đại diện theo ủy quyền trình bày trong bản tự khai:

Năm 2001 hộ ông Vũ Viết T được UBND huyện LỤc nam cấp GCNQSDĐ với diện tích 2610m^2 trong đó đất ở 400m^2, đất vườn 2210m^2. Năm 2003 hộ ông Vũ Viết T tiếp tục được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ rừng sản xuất với diện tích 8684m^2 đều ở thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam. Về việc trình tự cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho 2 thửa đất trên gồm đất ở và đất vườn, đất rừng sản xuất đều cho hộ ông Vũ Viết T ở thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam đều đảm bảo đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Về nội dung xác nhận nhân khẩu tại thời điểm cấp GCNQSDĐ của ông Vũ Viết T theo 2 giấy chứng nhận trên: UBND xã Vô Tranh đã có văn bản xác nhận ngày 10/12/2012. Nay UBND huyện Lục Nam không có ý kiến gì khác đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bà có đơn xin xét xử vắng mặt.

9/ UBND xã Vô Tranh do ông Bùi Quang C đại diện trình bày trong bản tự khai:

Ngày 11/10/2021 hộ ông Vũ Viết T được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ với diện tích 2610m^2 trong đó đất ở 400m^2, đất vườn 2210m^2 (ONT + CLN) tại thửa số 0, tờ bản đồ số 0 ở thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam.

Ngày 23/12/2013 hộ ông Vũ Viết T tiếp tục được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ rừng sản xuất (RSX) với diện tích 8684m2 ở thôn ĐÌnh Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam. Về việc trình tự cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho 2 thửa đất trên gồm đất ở và đất vườn, đất rừng sản xuất đều cho hộ ông Vũ Viết T ở thôn Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam đều đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Về diện tích đất rừng của hộ ông T: Theo quyết định về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đường nhánh nối ĐT 293 với cảng Mỹ An, huyện Lục Nam (đợt 1), quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 của UBND huyện Lục Nam đã thu hồi của hộ ông Vũ Viết T 788,1m^2 đất rừng để phục vụ mở đường 293 nên diện tích đất rừng của hộ ông T chỉ còn 7895,9m^2 nằm trong

tổng diện tích 8684m^2.

Về nội dung xác nhận nhân khẩu tại thời điểm cấp GCNQSDĐ của ông Vũ Viết T theo 2 giấy chứng nhận trên: UBND xã Vô Tranh đã có văn bản xác nhận ngày 10/12/2012. Nay UBND xã Vô Tranh không có ý kiến gì khác đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ông có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện UBND huyện Lục Nam, đại diện UBND xã Vô Tranh có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, còn anh H mặc dù đã được tống đạt hợp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 633, 634, 635, 674, 675 và Điều 676 BLDS năm 2005; các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660, điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Viết T về yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị X.

Xác nhận tài sản chung của ông Vũ Viết T, bà Nguyễn Thị X là:

Tài sản thứ nhất là 2610m^2 (kết quả thực đo lại 2594,4m^2 ngày 14/9/2021) trong đó có 400m^2 đất ở, 2194,4m^2 đất vườn trị giá 1.332.508.000đ tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0 đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Tài sản thứ hai thửa đất rừng có diện tích là 8684m^2 đến năm 2018 UBND huyện Lục Nam đã thu hồi 778,1m^2 để làm đường 293 do vậy còn lại 7905,9m^2 (kết quả thực đo lại ngày 14/9/2021 diện tích 6240,9m^2 trị giá 43.686.300đ) tại tờ bản đồ bến bò, số thửa 0 thuộc thôn Quảng Hải, Bến Bò

hiện là thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 23/12/2003 cho hộ ông (bà) Vũ Viết T. Tổng giá trị bằng tiền là 1.332.508.000đ + 43.686.300đ = 1.376.194.300đ.

Di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị X để lại có tổng giá trị bằng tiền là 688.097.150đ được chia cho các kỷ phần gồm: Ông Vũ Viết T, anh Vũ Viết Đ, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H, chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H, mỗi người được hưởng 1 phần bằng nhau tương ứng với số tiền 114.682.858đ.

Giao cho ông Vũ Viết T được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ phần đất là tài sản của ông T và 1 phần đất là di sản thừa kế của bà X để lại cho ông T, anh Đ, chị H như sau:

* Tài sản thứ nhất: Diện tích 1897,2m^2 gồm đất ở 326,4m^2, đất vườn 1570,8m^2 trị giá 988.459.426đ nằm trong tổng diện tích 2594,4m^2 (kết quả thực đo ngày 14/9/2021) đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang có các cạnh:

- Cạnh phía Đ Bắc tính từ điểm 5 đến điểm 6 dài 45,12m.
- Cạnh phía Tây tính từ điểm 7 đến điểm 2 dài 49,45m
- Cạnh phía Nam tính từ điểm 6 đến điểm 7 dài 52,88m
- Cạnh phía Bắc giáp đường đi thôn tính từ điểm 2+3+4+5 dài 31,99m.

* Tài sản thứ 2 là đất rừng (RTS) có diện tích 8684m^2 năm 2019 UBND huyện thu hồi để làm đường 788,1m^2 còn 7895,9m^2 (kết quả thực đo 6240,9m^2 ngày 14/9/2021) trị giá 43.686.300đ đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ- UBND ngày 23/12/2003 cho hộ ông (bà) Vũ Viết T tại thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang có các cạnh:

- Cạnh phía Đ tính từ điểm 8+9+10+1 dài 148,87m.
- Cạnh phía Tây tính từ điểm 3+4+5 dài 60,59m
- Cạnh phía Nam giáp đường bê tông tính từ điểm 1+2+3 dài 32,49m
- Cạnh phía Bắc tính từ điểm 5+6+7+8 dài 141,64m.

Tổng giá trị tài sản là 988.459.426đ + 43.686.300đ = 1.032.145.726đ. (Có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Vũ Viết T có trách nhiệm trả bằng tiền kỷ phần thừa kế của bà X để lại cho anh Vũ Văn Đ, chị Vũ Thị H mỗi người được hưởng tương ứng với số tiền là 114.682.858đ.

* Ông Vũ Viết T tiếp được quản lý kỷ phần thừa kế của chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H, chị Vũ Thị H mỗi người được hưởng số tiền là: 114.682.858đ. Tổng số tiền là 344.048.574đ tương ứng với diện tích đất ở, đất vườn là 697,2m^2. Trong đó

có 73,6m^2 đất ở, còn lại là đất vườn nằm trong tổng diện tích 2594,4m^2 đất ở, đất vườn đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ số 01820/Qđ-UBND ngày 11/10/2021 mang tên hộ ông Vũ Viết T tại thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang có các cạnh như sau:

Phía Đ tính từ điểm 2 đến điểm 7 dài 49,45m

Phía Nam tính từ điểm 7 đến điểm 8 dài 16,33m

Phía Tây tính từ điểm 8+9+1 dài 54,71m

Phía Bắc tính từ điểm 1 đến điểm 2 dài 13,06m.

Nếu sau này chị H, chị H, chị H, có yêu cầu giải quyết thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác (Có sơ đồ kèm theo).

Giao cho ông T được sử dụng: Các tài sản trên đất ở, đất vườn, đất rừng gồm 12 cây vải trị giá 25.091.000đ, 01 cây mít trị giá 710.000đ, 01 nhà bếp trị giá 1.466.400đ, 01 nhà ở trị giá 8.845.200đ (tài sản do vợ chồng ông T, bà X phát triển được).

Giao cho ông T được sử dụng toàn bộ tài sản của vợ chồng anh Đ, chị N phát triển được trên đất ở, đất vườn, đất rừng gồm: 127 cây cam trị giá 57.912.000đ, 28 cây bưởi trị giá 17.444.000đ và 1924,2m^3 đất đổ trị giá 48.105.000đ san lấp trên diện tích đất rừng của ông T, tổng trị giá 123.461.000đ. Buộc ông T phải có trách nhiệm thanh toán trả tiền cho vợ chồng anh Đ, chị N tổng giá trị là: 123.461.000đ.

Buộc chị N di chuyển toàn bộ cây H mài nằm trên diện tích đất rừng 496m2 của ông T để trả lại đất rừng cho ông T.

Buộc chị H phải di chuyển 10 cây sưa nằm trên đất rừng của ông T trị giá 1.860.000đ để trả lại đất rừng cho ông T.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay người đại diện cho anh Đ là anh Vũ Viết P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H, anh Vũ Viết H vắng mặt lần 2 không có lý do. UBND huyện Lục Nam, UBND xã Vô Tranh là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] *Thẩm quyền và quan hệ pháp luật:*

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và yêu cầu của các đương sự Hội đồng xét xử xác định thẩm quyền và quan hệ pháp luật là: "Tranh chấp chia di sản thừa kế" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện:*

Bà Nguyễn Thị X chết ngày 22/01/2005.

Tài sản chung khi bà Nguyễn Thị X còn sống tạo dựng với ông Vũ Viết T mà hiện nay đang có tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế, HĐXX xác định gồm:

Tài sản thứ nhất gồm: Thửa đất có diện tích 2610m^2 (kết quả thực đo lại 2594,4m^2 ngày 14/9/2021) trong đó có 400m^2 đất ở, 2194,4m^2 đất vườn trị giá 1.332.508.000đ tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0 đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang,

Tài sản thứ hai gồm: Thửa đất rừng có diện tích là 6240,9m^2 (kết quả thực đo lại ngày 14/9/2021) trị giá 43.686.300đ tại tờ bản đồ Bến Bò, số thửa 0 thuộc thôn Quảng Hải, Bến Bò hiện là thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ- UBND ngày 23/12/2003 cho hộ ông (bà) Vũ Viết T.

Tháng 9/2020 ông Vũ Viết T làm đơn khởi kiện chia tài sản chung và di sản thừa kế ra Tòa án nhân dân huyện Lục Nam. Căn cứ vào các tài liệu do đương sự cung cấp thì thời hiệu khởi kiện, yêu cầu của các đương sự nằm trong thời hiệu quy định của pháp luật tại Điều 623 BLDS năm 2015.

[4] *Về tài sản thừa kế:*

Qua đơn khởi kiện và những lời khai tại Tòa án thì việc bà Nguyễn Thị X chết không để lại di C nên căn cứ quy định về thừa kế theo pháp luật để giải quyết.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì thấy: Bà Nguyễn Thị X chết ngày 22/01/2005, ông Vũ Viết T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị X để lại trong khối tài sản chung của ông T và bà X gồm:

Tài sản thứ nhất: Thửa đất có diện tích 2610m^2 (kết quả thực đo 2594,4m^2 ngày 14/9/2021) trong đó có 400m^2 đất ở, 2194,4m^2 đất vườn trị giá 1.332.508.000đ tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0 đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Tài sản thứ hai gồm: Thửa đất rừng có diện tích là 8684m^2 năm 2019 UBND huyện thu hồi để làm đường 788,1m^2 còn 7895,9m^2 (kết quả thực đo 6240,9m^2 ngày 14/9/2021) trị giá 43.686.300đ tại tờ bản đồ Bến Bò, số thửa 0 thuộc thôn Quảng Hải, Bến Bò hiện là thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã

được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ- UBND ngày 23/12/2003 cho hộ ông (bà) Vũ Viết T.

Tổng giá trị tài sản chung của ông Vũ Viết T và bà Nguyễn Thị X là: 1.376.194.300đ.

Nay ông T đề nghị Tòa án chia tài sản chung và di sản thừa kế của cụ X theo quy định của pháp luật gồm 2 thửa đất trên tổng trị giá 1.376.194.300đ.

[5] *Về yêu cầu của anh Vũ Viêt Đ là bị đơn, bà Nguyễn Thị N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, chị Nguyễn Thị H, chị Vũ Thị H, chị Nguyễn Thị H, chị Vũ Thị N, anh Vũ Viết P, anh Vũ Viết H đều là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Không chấp nhận theo yêu cầu của ông T xác nhận ½ là tài sản của ông T còn ½ là di sản của bà X gồm:

Tài sản thứ nhất: Thửa đất có diện tích 2610m^2 (kết quả thực đo lại 2594,4m^2 ngày 14/9/2021) trong đó có 400m^2 đất ở, 2194,4m^2 đất vườn trị giá 1.332.508.000đ tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0 đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Tài sản thứ hai: Thửa đất rừng có diện tích là 8684m^2 năm 2019 UBND huyện thu hồi để làm đường 788,1m^2 còn 7895,9m^2 (kết quả thực đo lại 6240,9m^2 ngày 14/9/2021) trị giá 43.686.300đ tại tờ bản đồ Bến Bò, số thửa 0 thuộc thôn Quảng Hải, Bến Bò hiện là thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ- UBND ngày 23/12/2003 cho hộ ông (bà) Vũ Viết T.

Phía anh Đ, chị N, chị H, chị H, chị H, Chị N, anh P đều cho rằng toàn bộ đất ở, đất vườn, đất rừng nguồn gốc là của lâm trường Lam Sơn giải thể khoảng năm 1986 để lại. Khi đó ông Đ, bà N, chị H, chị H, chị H, chị H, Chị N, anh P, anh H đều ở chung hộ khẩu với ông T, bà X thì đã cùng có công sức lấn chiếm được toàn bộ diện tích đất ở, đất vườn và đất rừng. Đến năm 2001 thì được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất vườn với diện tích 2610m^2 số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và đến năm 2003 thì UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận được quyền sử dụng đất rừng 8684m^2 số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 23/12/2003 cho hộ ông (bà) Vũ Viết T ở thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Nay anh Đ, chị N, chị H, chị H, chị H, Chị N, anh P, anh H đều cho rằng là tài sản chung, yêu cầu chia đều cho ông T, bà X, anh Đ, chị N, chị H, chị H, Chị N, anh P, anh H mỗi người được

hưởng một phần bằng nhau. Phần tài sản của bà X được chia là di sản thừa kế yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

[7] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và biên bản xác minh tại địa P, HĐXX nhận thấy:

Nguồn gốc diện tích 2610m^2 đất ở và đất vườn nay thực đo là 2594,4m^2 trị giá 1.332.508.000đ đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang là đất của lâm trường Mai Sơn nay là công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Mai Sơn Lục Nam. Trước năm 1980 lâm trường Mai Sơn đã sử dụng để làm bãi tập kết gỗ chuyển xuống sông Bến Bò, xã Vô Tranh, sau đó lâm trường Mai Sơn không sử dụng nữa để hoang. Các hộ khu vực tiếp giáp với đất của lâm trường trong đó có ông T, cụ X ra lấn chiếm, sử dụng. Đến năm 2001 đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ.

Còn đối với thửa đất rừng (RTS) có diện tích 8684m^2 năm 2019 UBND huyện thu hồi để làm đường 788,1m^2 còn 7895,9m^2 (kết quả thực đo 6240,9m^2) trị giá 43.686.300đ đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ- UBND ngày 23/12/2003 cho hộ ông (bà) Vũ Viết T tại thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Nguồn gốc là do vợ chồng ông T khai hoang, vỡ hóa từ trước năm 1980.

Còn thời điểm anh Đ, chị N, chị H, chị H, chị H, chị H, Chị N, anh P, anh H ở chung hộ khẩu cùng với ông T, bà X thì đất ở, đất vườn và đất rừng trên ông T, cụ X đã có và sử dụng, hơn nữa trong quá trình Tòa án giải quyết anh Đ, chị N, chị H, chị H, chị H, Chị N, anh P, anh H ngoài lời khai thì không xuất trình cho Tòa án được các tài liệu chứng cứ để chứng minh là có công sức đóng góp trong khối tài sản trên. Tại các bản tự khai và đơn phản tố anh Đ, chị N, chị H, chị H, chị H đều thừa nhận diện tích đất ở và đất vườn, đất rừng đã có từ trước năm 1980. Do vậy từ những căn cứ trên, hội đồng xác nhận anh Đ, chị N, chị H, chị H, chị H, Chị N, anh P, anh H đều không có công sức khai hoang, vỡ hóa lấn chiếm, đóng góp trong khối tài sản gồm đất ở, đất vườn có diện tích thực đo là 2594,4m^2 trị giá 1.332.508.000đ, đất rừng có diện tích thực đo là 6240,9m^2 trị giá 43.686.300đ hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo ấn định cho các đương sự nộp tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung và Tòa án đã giải thích rõ quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật, nhưng các đương sự đều không nộp tiền, yêu cầu chia tài sản chung, nên không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung gồm: Thửa đất có diện tích 2610m^2 (kết quả thực đo 2594,4m^2 ngày 14/9/2021) trong đó có 400m^2 đất ở, 2194,4m^2 đất vườn trị giá 1.332.508.000đ tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0 đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Gàng, xã Vô

Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và thửa đất rừng có diện tích là 8684m^2 năm 2019 UBND huyện thu hồi để làm đường 788,1m^2 còn 7895,9m^2 (kết quả thực đo 6240,9m^2 ngày 14/9/2021) trị giá 43.686.300đ tại tờ bản đồ Bến Bò, số thửa 0 thuộc thôn Quảng Hải, Bến Bò hiện là thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ- UBND ngày 23/12/2003 cho hộ ông (bà) Vũ Viết T, của anh Vũ Viết Đ, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H, chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị N, anh Vũ Viết P, anh Vũ Viết H đối với ông Vũ Viết T.

Do vậy tổng giá trị tài sản chung của ông Vũ Viết T, bà Nguyễn Thị X tạo dựng gồm: đất ở, đất vườn, đất rừng đều ở thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, Lục Nam là 1.332.508.000đ + 43.686.300đ = 1.376.194.300đ. Toàn bộ tài sản này hiện ông T đang quản lý, sử dụng, nay cần được chia đều cho ông T, bà X mỗi người được hưởng 1 phần bằng nhau, di sản thừa kế của bà X để lại được xác định là ½ tổng số tài sản chung của ông T, bà X là 1.376.194.300đ : 2 = 688.097.000đ.

[8] Về tài sản trên đất ở, đất vườn, đất rừng do ông T và bà X phát triển được gồm: 12 cây vải to, nhỏ trị giá 28.700.000đ, 01 cây mít trị giá 710.000đ, 01 nhà bếp loại C diện tích 18,33m2 trị giá 1.466.400đ, 01 nhà cấp 4 có diện tích 36,4m2 trị giá 8.845.200đ, nay ông T, anh Đ, chị N, chị H, chị H, chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu chia cho kỷ phần nào được hưởng tài sản là đất, trên đất có tài sản của ông T và bà X thì được hưởng luôn tài sản trên đất.

Còn các tài sản của vợ chồng chị N có phát triển trên hai thửa đất gồm: 181 cây cam trị giá 82.536.100đ, 01 khu chăn nuôi loại C trị giá 4.765.440đ, 28 cây bưởi trị giá 17.444.000đ và 1924,2m^3 đất do đổ trên đất rừng của vợ chồng ông T trị giá 48.105.000đ, nay vợ chồng chị N không đề nghị Tòa án giải quyết và sẽ tự di chuyển các tài sản đi nơi khác và sẽ trả lại đất cho ông T. Nhưng để đảm bảo giá trị sử dụng và thuận tiện cho việc sử dụng tài sản nên cần giao cho ông T được sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản của vợ chồng chị N có trên 2 thửa đất, buộc ông T trả vợ chồng chị N bằng tiền. Còn toàn bộ cây H mài của vợ chồng chị N trồng trên đất rừng của ông T, nay cần buộc chị N phải di chuyển đi nơi khác để trả lại đất cho ông T sử dụng và buộc chị H di chuyển 10 cây sưa trên đất rừng để trả lại đất cho ông T.

[9] *Về hàng thừa kế:* Hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị X gồm có: Ông Vũ Viết T, anh Vũ Viêt Đ, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H, chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H được xác định theo Điều 613, điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự 2015 và không trong diện người không được hưởng di

sản theo Điều 621 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của những người thừa kế trước khi bà X chết, bà X không để lại di C nên di sản thừa kế của bà X được chia theo quy định của pháp luật, theo quy định tại Điều 649 BLDS năm 2015. Do vậy yêu cầu của những người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế của bà X là có căn cứ, cần chấp nhận.

[10] *Các nghĩa vụ về tài sản và các chi phí liên quan đến thừa kế*: Ông Vũ Viết T, anh Vũ Viêt Đ, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H, chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H đều trình bày và xác định bà Nguyễn Thị X không còn nợ ai, không còn khoản nào chưa thanh toán.

Di sản thừa kế được chia như sau: Do bà Nguyễn Thị X chết không để lại di C nên chia thừa kế theo pháp luật, theo quy định khoản 2 Điều 651 BLDS 2015:

"2. *Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau."*

Di sản thừa kế của bà X có tổng giá trị bằng tiền là 688.097.150đ, được chia đều làm 06 phần cho các hàng thừa kế thứ nhất của bà X gồm: Ông Vũ Viết T, anh Vũ Viêt Đ, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H, chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H mỗi người được hưởng 1 phần bằng nhau tương đương với số tiền mỗi kỷ phần được hưởng là 114.682.858đ.

Nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị H, chị H, chị H là người liên quan đều có đơn yêu cầu độc lập về việc chia di sản thừa kế ngày 27/10/2021 Tòa án đã giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H, chị Vũ Thị H, trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo này phải đến trụ sở cơ quan thi hành án dân sự huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, mặc dù Tòa án đã giải thích quyền và nghĩa vụ cho chị H, chị H, chị H rõ nhưng hết thời hạn 7 ngày chị H, chị H, chị H, không đến nộp tiền tạm ứng án phí do vậy theo quy định pháp luật yêu cầu của chị H, chị H, chị H, về việc chia di sản thừa kế của bà X để lại sẽ không được giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này chị H, chị H, chị H, có yêu cầu giải quyết thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Phần di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị X để lại cho chị H, chị H, chị H, ông T là người đang quản lý nên tiếp được quản lý theo luật.

Do các di sản thừa kế của bà X hiện ông T đang sở hữu, sử dụng và hiện nay các con của ông T, bà X đều có nhà, đất riêng ổn định. Xét hiện trạng phần đất này chỉ có thể chia làm 2 phần nên cần giao cho ông Vũ Viết T sở hữu, sử dụng toàn bộ phần đất của ông T và 1 phần đất là di sản thừa kế của bà X để lại cho ông T, anh Đ, chị H nhưng ông T có trách nhiệm trả bằng tiền kỷ phần thừa kế của bà X để lại cho các đồng thừa kế là anh Đ, chị H mỗi người được hưởng tương ứng với số tiền là 114.682.858đ là phù hợp với quy định của pháp luật. Còn phần di sản thừa kế của bà X để lại là đất chia cho chị H, chị H, chị H mỗi kỷ phần tương ứng với số tiền 114.682.858đ. Phần di sản thừa kế của chị H, chị H, chị H được hưởng nay ông T tiếp

tục được quản lý.

Phần tài sản của ông T và 1 phần di sản thừa kế của bà X để lại, ông T được sở hữu, sử dụng như sau:

* Tài sản thứ nhất: Diện tích 1897,2m^2 gồm đất ở 326,4m^2, đất vườn 1570,8m^2 trị giá 988.459.426đ nằm trong tổng diện tích 2594,4m^2 (kết quả thực đo ngày 14/9/2021) đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang có các cạnh:

- Cạnh phía Đ Bắc tính từ điểm 5 đến điểm 6 dài 45,12m.
- Cạnh phía Tây tính từ điểm 7 đến điểm 2 dài 49,45m
- Cạnh phía Nam tính từ điểm 6 đến điểm 7 dài 52,88m
- Cạnh phía Bắc giáp đường đi thôn tính từ điểm 2+3+4+5 dài 31,99m.

* Tài sản thứ 2 là đất rừng (RTS) có diện tích 8684m^2 năm 2019 UBND huyện thu hồi để làm đường 788,1m^2 còn 7895,9m^2 (kết quả thực đo 6240,9m^2 ngày 14/9/2021) trị giá 43.686.300đ đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ- UBND ngày 23/12/2003 cho hộ ông (bà) Vũ Viết T tại thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang có các cạnh:

- Cạnh phía Đ tính từ điểm 8+9+10+1 dài 148,87m.
- Cạnh phía Tây tính từ điểm 3+4+5 dài 60,59m
- Cạnh phía Nam giáp đường bê tông tính từ điểm 1+2+3 dài 32,49m
- Cạnh phía Bắc tính từ điểm 5+6+7+8 dài 141,64m.

Tổng giá trị tài sản là 988.459.426đ + 43.686.300đ = 1.032.145.726đ.

* Ông Vũ Viết T tiếp được quản lý kỷ phần thừa kế của chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H, chị Vũ Thị H mỗi người được hưởng số tiền là: 114.682.858đ. Tổng số tiền là 344.048.574đ tương ứng với diện tích đất ở, đất vườn là 697,2m^2. Trong đó có 73,6m^2 đất ở, còn lại là đất vườn nằm trong tổng diện tích 2594,4m^2 đất ở, đất vườn đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ số 01820/Qđ- UBND ngày 11/10/2021 mang tên hộ ông Vũ Viết T tại thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang có các cạnh như sau:

Phía Đ tính từ điểm 2 đến điểm 7 dài 49,45m

Phía Nam tính từ điểm 7 đến điểm 8 dài 16,33m

Phía Tây tính từ điểm 8+9+1 dài 54,71m

Phía Bắc tính từ điểm 1 đến điểm 2 dài 13,06m.

[11] *Về các vấn đề khác:* Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án có đưa anh Ngô Sỹ Kiều là người sống chung với chị H và tham gia tố tụng

với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng anh Kiều xin từ chối tham gia tố tụng vì xác định không có quyền lợi liên quan gì đến vụ án, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[12] *Về chi phí tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Vũ Viết T đã nộp tổng số tiền xem xét, thẩm định đo vẽ tại chỗ và định giá tài sản là 20.819.000đ cho Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, số tiền này Tòa án đã chi cho Hội đồng thẩm đinh và định giá tài sản và trả chi phí đo vẽ sơ đồ cho công ty TNHH MTV tài nguyên và môi trường Thành Đạt, Tòa án đã thanh toán xong với ông T. Nay ông T xin chịu cả số tiền này, không yêu cầu anh Đ, chị N, chị H, chị H, chị H, chị H phải chịu tiền chi phí thẩm định đo vẽ, định giá tài sản. Xét thấy yêu cầu của ông T là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[13] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Vũ Thị H phải chịu 5.734.143đ án phí chia di sản thừa kế.

Ông Vũ Viết T là người cao tuổi, anh Vũ Viết Đ là người khuyết tật nên được miễn án phí theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 633, 634, 635, 674, 675 và Điều 676 BLDS năm 2005; các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660, điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Viết T về yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị X.

Xác nhận tài sản chung của ông Vũ Viết T, bà Nguyễn Thị X là:

Tài sản thứ nhất là 2610m^2 (kết quả thực đo lại 2594,4m^2 ngày 14/9/2021) trong đó có 400m^2 đất ở, 2194,4m^2 đất vườn trị giá 1.332.508.000đ tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0 đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Tài sản thứ hai thửa đất rừng có diện tích là 8684m^2 đến năm 2018 UBND huyện Lục Nam đã thu hồi 778,1m^2 để làm đường 293 do vậy còn lại 7905,9m^2 (kết quả thực đo lại ngày 14/9/2021 diện tích 6240,9m^2 trị giá 43.686.300đ) tại tờ bản đồ bến bò, số thửa 0 thuộc thôn Quảng Hải, Bến Bò hiện là thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ- UBND ngày 23/12/2003 cho hộ ông (bà) Vũ Viết T. Tổng giá trị bằng tiền là 1.332.508.000đ + 43.686.300đ = 1.376.194.300đ.

Di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị X để lại có tổng giá trị bằng tiền là 688.097.150đ được chia cho các kỷ phần gồm: Ông Vũ Viết T, anh Vũ Viết Đ, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H, chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H, mỗi người được hưởng 1 phần bằng nhau tương ứng với số tiền 114.682.858đ.

Giao cho ông Vũ Viết T được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ phần đất là tài sản của ông T và 1 phần đất là di sản thừa kế của bà X để lại cho ông T, anh Đ, chị H như sau:

* Tài sản thứ nhất: Diện tích 1897,2m^2 gồm đất ở 326,4m^2, đất vườn 1570,8m^2 trị giá 988.459.426đ nằm trong tổng diện tích 2594,4m^2 (kết quả thực đo ngày 14/9/2021) đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01820/QĐ-UBND ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Vũ Viết T địa chỉ: Thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang có các cạnh:

- Cạnh phía Đ Bắc tính từ điểm 5 đến điểm 6 dài 45,12m.
- Cạnh phía Tây tính từ điểm 7 đến điểm 2 dài 49,45m
- Cạnh phía Nam tính từ điểm 6 đến điểm 7 dài 52,88m
- Cạnh phía Bắc giáp đường đi thôn tính từ điểm 2+3+4+5 dài 31,99m.

* Tài sản thứ 2 là đất rừng (RTS) có diện tích 8684m^2 năm 2019 UBND huyện thu hồi để làm đường 788,1m^2 còn 7895,9m^2 (kết quả thực đo 6240,9m^2 ngày 14/9/2021) trị giá 43.686.300đ đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận số 00158 theo quyết định số 2924/QĐ- UBND ngày 23/12/2003 cho hộ ông (bà) Vũ Viết T tại thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang có các cạnh:

- Cạnh phía Đ tính từ điểm 8+9+10+1 dài 148,87m.
- Cạnh phía Tây tính từ điểm 3+4+5 dài 60,59m
- Cạnh phía Nam giáp đường bê tông tính từ điểm 1+2+3 dài 32,49m
- Cạnh phía Bắc tính từ điểm 5+6+7+8 dài 141,64m.

Tổng giá trị tài sản là 988.459.426đ + 43.686.300đ = 1.032.145.726đ.

(Có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Vũ Viết T có trách nhiệm trả bằng tiền kỷ phần thừa kế của bà X để lại cho anh Vũ Văn Đ, chị Vũ Thị H mỗi người được hưởng tương ứng với số tiền là 114.682.858đ.

* Ông Vũ Viết T tiếp được quản lý kỷ phần thừa kế của chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H, chị Vũ Thị H mỗi người được hưởng số tiền là: 114.682.858đ. Tổng số tiền là 344.048.574đ tương ứng với diện tích đất ở, đất vườn là 697,2m^2. Trong đó có 73,6m^2 đất ở, còn lại là đất vườn nằm trong tổng diện tích 2594,4m^2 đất ở, đất vườn đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ số 01820/Qđ- UBND ngày 11/10/2021 mang tên hộ ông Vũ Viết T tại thôn Đình Gàng, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang có các cạnh như sau:

Phía Đ tính từ điểm 2 đến điểm 7 dài 49,45m

Phía Nam tính từ điểm 7 đến điểm 8 dài 16,33m

Phía Tây tính từ điểm 8+9+1 dài 54,71m

Phía Bắc tính từ điểm 1 đến điểm 2 dài 13,06m.

Nếu sau này chị H, chị H, chị H, có yêu cầu giải quyết thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác (Có sơ đồ kèm theo).

Giao cho ông T được sử dụng: Các tài sản trên đất ở, đất vườn, đất rừng gồm 12 cây vải trị giá 25.091.000đ, 01 cây mít trị giá 710.000đ, 01 nhà bếp trị giá 1.466.400đ, 01 nhà ở trị giá 8.845.200đ (tài sản do vợ chồng ông T, bà X phát triển được).

Giao cho ông T được sử dụng toàn bộ tài sản của vợ chồng anh Đ, chị N phát triển được trên đất ở, đất vườn, đất rừng gồm: 127 cây cam trị giá 57.912.000đ, 28 cây bưởi trị giá 17.444.000đ và 1924,2m^3 đất đổ trị giá 48.105.000đ san lấp trên diện tích đất rừng của ông T, tổng trị giá 123.461.000đ. Buộc ông T phải có trách nhiệm thanh toán trả tiền cho vợ chồng anh Đ, chị N tổng giá trị là: 123.461.000đ.

Buộc chị N di chuyển toàn bộ cây H mài nằm trên diện tích đất rừng 496m2 của ông T để trả lại đất rừng cho ông T.

Buộc chị H phải di chuyển 10 cây sưa nằm trên đất rừng của ông T trị giá 1.860.000đ để trả lại đất rừng cho ông T.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật anh Vũ Viết Đ, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H, chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H có đơn đề nghị thi hành án mà ông Vũ Viết T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì ông Vũ Viết T còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng:

Ông T chịu toàn bộ chi phí, thẩm định, đo vẽ, định giá tài sản. Ông T đã nộp đủ.

3. Về án phí:

Miễn tiền án phí chia tài sản chung và di sản thừa kế cho ông Vũ Viết T và anh Vũ Viết Đ.

Buộc chị Vũ Thị H phải chịu 5.734.000đ nhưng được trừ vào số tiền 3.500.000đ chị H đã nộp tại chi cục thi hành án huyện Lục Nam ngày 27/11/2021. Chị H còn phải nộp số tiền 2.234.000đ.

Chị Nguyễn Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án./.

(Kèm theo bản án là sơ đồ đo đạc thửa đất)

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng Tòa án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Toan